

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----@-----

Bản án số: 16/2018/ HNGĐ - ST

Ngày 21/9/2018

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông **Hà Thiện Thành**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Duy Quyết**
Ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Hương Q**, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Dương Chí L**, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27 tháng 03 năm 2018, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn là chị Lê Hương Q trình bày: giữa chị Lê Hương Q và bị đơn là anh Dương Chí L, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 12 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại gia đình nhà anh L ở xã G, huyện V. Chị Q và anh L chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính

tình không hợp, vợ chồng không đồng nhất quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế, anh L thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con; chị Q và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau, chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn X, xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2014 cho tới nay. Chị Q thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Q đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Chí L.

Về con chung; Chị Lê Hương Q trình bày: Vợ chồng chị có 01 con chung cháu tên là Dương Ngọc L1, sinh ngày 03/5/2013. Hiện tại anh Dương Chí L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, chị Q đề nghị chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dương Ngọc L1, Anh L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung; Chị Lê Hương Q xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai, bị đơn là anh Dương Chí L trình bày: Anh thừa nhận việc kết hôn giữa hai người đúng như chị Q trình bày, về tình trạng hôn nhân anh L thừa nhận tình cảm vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu và thực tế, chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ để ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2014 cho tới nay. Anh L cho rằng, tình cảm vợ chồng không còn chị Q xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Dương Chí L thừa nhận về số con chung như chị Q đã trình bày. Hiện tại anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dương Ngọc L1, nếu Tòa án cho anh và chị Q ly hôn, anh đề nghị là người tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Ngọc L1, không yêu cầu chị Lê Hương Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Dương Chí L không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Dương Chí L (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Hương Q và anh Dương Chí L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 06/12/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không đồng nhất quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế, anh L thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con, khi được chị Q và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi, đánh nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2014 đến nay, cũng từ đó hai người không hề quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa, chị Q xin ly hôn anh L cũng đồng ý. Toà án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng anh Dương Chí L chỉ đến Tòa án làm việc một lần, còn sau đó cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị Quỳnh và anh Linh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Hương Q.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lê Hương Q và anh Dương Chí L có một con chung là cháu Dương Ngọc L1, sinh ngày 03/5/2013. Chị Q và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Lê Hương Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn X, xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ để ở, không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hằng ngày. Trong thời gian trước đây và hiện tại cháu Dương Ngọc L1 do anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm tốt về mọi mặt, cháu L1 đã hơn ba tuổi. Vì vậy, cần giao cháu Dương Ngọc L1 cho anh Dương Chí L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Dương Ngọc L1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Kể từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Chị Q có quyền đi lại thăm nom con.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung:

Chị Lê Hương Q và anh Dương Chí L không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Lê Hương Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Hương Q và anh Dương Chí L được ly hôn;

2. Về con chung. Giao cho anh Dương Chí L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Ngọc L1, sinh ngày 03/5/2013, cho tới khi cháu Dương Ngọc L1 đủ 18 tuổi. Chị Lê Hương Q phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Dương Chí L 1.000.000 đồng/1 tháng. Kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu Dương Ngọc L1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ trảm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Lê Hương Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2013/0001031 ngày 09/4/2018.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hà Thiện Thành